TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 4 - 2020
V/v ly hôn giữa ông A và bà N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Bình;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2020/TLST–HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh A, sinh năm 1956; địa chỉ: Số nhà 178/3k, Ấp Đ, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1960; nơi đăng ký HKTT: Xóm 8, xã HP, huyện H tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: Số nhà 1936, khu chung cư HH 3C LĐ, quận H, Thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2019, bản tự khai ngày 22/3/2020, nguyên đơn ông Phạm Thanh A trình bày:

Ông kết hôn với bà N do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/01/1986 tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện H, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2003 do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông vào Thành phố Hồ Chí Minh làm kinh tế. Năm 2005, ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữa khác và có 01 con riêng, từ đó tình cảm vợ chồng bị sứt mẻ. Ông vẫn gửi tiền về cho con cái học hành nhưng khoảng 02 năm gần đây thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bà N cũng muốn ly hôn. Đến nay ông xác định tình cảm không thể hòa hợp được nên xin được ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Minh T, sinh năm 1989 và Phạm Ánh M, sinh năm 1991. Hai con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, công việc ổn định nên ông không yêu cầu giải quyết về con cái.

Về tài sản: Đến nay vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2020, bị đơn bà Trần Thị N trình bày:

Bà thống nhất với ông A về việc kết hôn, về thời gian ông A đi làm ăn kinh tế tại Miền Nam và việc ông A có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Từ khi bà phát hiện ông A ngoại tình thì tình cảm vợ chồng bị sứt mẻ, lạnh nhạt từ đó. Hàng năm ông A chỉ về thăm nhà một lần vào dịp có giỗ ở quê. Bà biết ông A đã có vợ con khác trong Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà cũng không muốn níu kéo tình cảm với ông A nữa, ông A làm đơn xin ly hôn thì bà cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung, bà cũng thống nhất với ông A có hai con chung đã trưởng thành tự lập được nên bà không yêu cầu giải quyết việc con cái.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà nhất trí với lời trình bày của ông A, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và Bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Nguyên đơn và Bị đơn đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh A và bà Trần Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/01/1986 tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện H, tỉnh Nam Định nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng sống vui vẻ hạnh phúc, đến năm 2003 thì ông A đi làm ăn kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian ở Miền Nam, đến năm 2005 ông A đã có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và đã có con riêng, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn tình cảm, thiếu sự quan tâm, chăm sóc đến nhau. Đến nay ông A yêu cầu được ly hôn, bà N cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù ông A có vi phạm nghĩa vụ chung thủy vợ chồng dẫn tới mâu thuẫn tình cảm nhưng bà N cũng xác định không còn tình cảm với ông A và đồng ý ly hôn; thực tế hai bên không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau từ nhiều năm nay. Do đó không cần thiết phải bác yêu cầu xin ly hôn của ông A mà giải quyết cho các bên được ly hôn là phù hợp với thực tế khách quan và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Phạm Thanh A và bà Trần Thị N thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Phạm Minh Thúy, sinh năm 1989 và Phạm Ánh Minh, sinh năm 1991. Hai con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, tự lập được cuộc sống nên các đương sự không yêu cầu giải quyết về con cái. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Ông Phạm Thanh A và bà Trần Thị N đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Phạm Thanh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Tuy ông A thuộc trường hợp là người cao tuổi nhưng ông A không có đơn xin miễn án phí dân sự nên vẫn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Thanh A và bà Trần Thị N.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phạm Thanh A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002033 ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Ông Phạm Thanh A đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã HP: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên